

Bản án số: 440/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Mai Thị Thảo**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 484/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 520/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 355/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị S**, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Người được chị S ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Anh **Đoàn Hồng H**, sinh năm 1990; địa chỉ: **KDC K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương**.

- Bị đơn: Anh **Phạm Duy Đ**, sinh năm 1987; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: **Đài Loan**.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Duy C**, sinh năm 1960 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày: Chị và anh Phạm Duy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 10/8/2015. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ chơi bời, cờ bạc, nợ nần nên vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm. Năm 2017 anh Đ đi lao động tại Đài Loan để trang trải nợ nần, tuy nhiên tại Đài Loan anh Đ không thay đổi, tiếp tục chơi bời, nợ nần nên không gửi tiền về cho chị nuôi các con và trang trải cuộc sống. Chị và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không thay đổi, thời gian một năm gần đây anh chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Hiện tại chị đã dọn đi khỏi gia đình nhà chồng và xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Duy Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/11/2015 và Phạm Huyền T1, sinh ngày 26/3/2017, hiện các con đang ở với ông bà nội. Chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh Đ được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí để bố mẹ đẻ anh Đ là ông Phạm Duy C và bà Nguyễn Thị T chăm sóc con chung cho đến khi anh Đ về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan, chị ủy quyền cho anh Đoàn Hồng H thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị S không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Đ. Ông Phạm Duy C và bà Nguyễn Thị T (là bố, mẹ đẻ anh Đ) trình bày: Ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Đ vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết. Anh Đ có quan điểm không mong muốn vợ chồng ly hôn, nhưng chị S cương quyết xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh nhất trí ly hôn. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị S trình bày là đúng, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh tự nguyện không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho ông Phạm Duy C và bà Nguyễn Thị T chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giải

quyết vắng mặt.

Ông Phạm Duy C và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ anh Đ trình bày: Ông, bà nhất trí có trách nhiệm chăm sóc cháu Phạm Quỳnh A và cháu Phạm Huyền T1 cho đến khi anh Đ về nước. Ông, bà không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi các cháu.

Con chung của chị S, anh Đ là cháu Phạm Quỳnh A và cháu Phạm Huyền T1 đều có nguyện vọng được ở với anh Đ, ông C và bà T.

Người được chị S ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Đoàn Hồng H trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị S, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị S biết, chị S vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị S, anh Đ đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị S và anh Đ có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình chung sống được một vài năm thì anh Đ đi lao động ở nước ngoài đến nay chưa về nước, vợ chồng sống xa cách nhiều năm nên không có sự gần gũi, gắn bó chia sẻ. Nay chị S có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị S ly hôn anh Phạm Duy Đ; về con chung: Giao con chung Phạm Quỳnh A và Phạm Huyền T1 cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; tạm giao cháu Phạm Quỳnh A và cháu Phạm Huyền T1 cho ông Phạm Duy C và bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Đ về nước. Chị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị S hiện đang cư trú tại xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương và bị đơn anh Phạm Duy Đ có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện anh Đ đang lao động, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh

Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T là mẹ đẻ anh Đ để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị S và anh Đ, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông C, bà T vẫn liên lạc với anh Đ và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị S và anh Đ. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Phạm Duy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 10/8/2015 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị S và anh Đ đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không tu chí làm ăn, chơi bời dẫn đến nợ nần từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2017 anh Đ đi lao động tại Đài Loan nhưng không gửi kinh tế về cho chị nuôi con và trang trải cuộc sống nên vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị S có đơn xin ly hôn, anh Đ cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị S ly hôn anh Đ.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của chị S và anh Đ là Phạm Quỳnh A và Phạm Huyền T1 hiện đang ở với ông bà nội là ông Phạm Duy C và bà Nguyễn Thị T. Chị S và anh Đ thống nhất giao cả hai con chung Phạm Quỳnh A và Phạm Huyền T1 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên, chị S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh Đ không có mặt ở Việt Nam, anh chị thống nhất giao con chung cho ông Phạm Duy C và bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Đ về nước. Ông C và bà T nhất trí thay anh Đ chăm sóc các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con và quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh Đ, chị S, giao con chung Phạm Quỳnh A và Phạm Huyền T1 cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh Đ không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu Phạm Quỳnh A và Phạm Huyền T1 cho ông C, bà T chăm sóc cho đến khi anh Đ về nước.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S, anh Đ cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S, xử cho chị Trần Thị S ly hôn anh Phạm Duy Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Duy Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/11/2015 và Phạm Huyền T1, sinh ngày 26/3/2017 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Phạm Quỳnh A và Phạm Huyền T1 cho ông Phạm Duy C và bà Nguyễn Thị T chăm sóc cho đến khi anh Đ về nước.

Chị Trần Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0005164 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị S đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị S, ông Phạm Duy C và bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Phạm Duy Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu